TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 102/2023/DS-PT Ngày 22/6/2023 V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất (Ranh đất).	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ;

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất (ranh đất)".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 06, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1959 và bà Từ Kim N, sinh năm 1953. Cùng địa chỉ: Số 05, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

* *Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 05, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

2. Ông Từ Minh Q, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 93, đường L, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 06, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Ông Nguyễn Việt H theo văn bản ủy quyền ngày 03/02/2023. Địa chỉ: Số 06, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng G, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 06, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 06, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 06, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 05, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

6. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 05, đường X, khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Từ Kim N và ông Nguyễn Tấn T bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 1990 ông có sang một nền đất thổ cư của ông Dương Kim L ở khóm H, phường M, thị xã N, Sóc Trăng trong phần đất có một cái mương ranh giáp với ông T và bà N dài khoảng 15 – 16 mét từ mé sông chạy dài lên ruộng rộng khoảng 3 mét. Đến năm 1991 ông mới đào nối tiếp đến lộ, đến năm 2015 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi chính quy thửa số 3 diện tích 1938,6m^2, ông sử dụng ổn định không tranh chấp.

Đến năm 2017 bà N và ông T có xây bờ kè lấn qua phần mương của ông chiều dài từ mé sông lên dài 50,18 mét, chiều rộng phía trên 0,95 mét chạy dài xuống mé sông 00 mét vì phần đất này xéo. Khi ông T, bà N xây bờ kè lấn qua đất ông thì ông có ra ngăn cản hai bên xảy ra tranh chấp ông có yêu cầu ra Hội đồng hòa giải của phường M nhưng hòa giải không thành. Khi hòa giải ở địa phương thì hai bên thỏa thuận bên tôi nhường cho bên bà N 2 tất nhưng bà N không đồng ý lúc đòi 7 tất lúc 8 tất nên ông không đồng ý và kiện ra Tòa án

Khi ông kiện ra Tòa án ngày 08/6/2018 Tòa án có lập đoàn do ông Phan Minh N làm trưởng đoàn vô đo đạc bà N xin 2 tất dưới mé sông ông có đồng ý và cặm trụ đá, sau đó bà N bỏ vô nhà thì Phan Minh N quyết định cặm cọc ngay hàng rào. Sau khi ông N quyết định cặm ranh ngay hàng rào và yêu cầu ông rút đơn khởi kiện thì ông có rút đơn khởi kiện, sau đó ông về gia đình suy nghĩ thấy thiệt

thời nên ông không đồng ý nhường đất cho bà N nên ông yêu cầu khởi kiện đòi đất lại.

Nay yêu cầu bà N và ông T tháo dỡ bờ kè trả lại phần đất lấn qua đất ông diện tích theo như đo đạc thực tế 35,5m^2, phần đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N, Sóc Trăng cho ông.

** Bị đơn, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Nguyên phần đất tranh chấp có diện tích 150m^2 thửa 761 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N đất do bà N đứng tên, đất này bà đã sử dụng từ lâu không tranh chấp với ai. Nay có xảy ra tranh chấp ông H cho rằng bà lấn đất của ông H chiều ngang mặt lộ khoảng 1 mét, chiều ngang mặt sau sông 00 mét chiều dài khoảng 60m^2, diện tích khoảng 30m^2.

Vào đầu năm 2017 ông H có gởi đơn đến Ban nhân dân khóm H hòa giải nhưng không thành, sau đó chuyển đến Uỷ ban nhân dân phường M hòa giải nhưng không thành sau đó ông H khởi kiện ra Tòa án N, Tòa án đã thụ lý và có đo đạc và đưa ra kết luận đất bên ông H và bà đều thiếu nên động viên hai bên thỏa thuận có sự chứng kiến của Tòa án và địa chính và hai bên tiến hành thỏa thuận và cặm ranh đất với nhau vì không tranh chấp nữa và ông H đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Nay ông H tiếp tục khởi kiện bà ra Tòa án cho rằng bà lấn đất trong khi trước đây bà và ông H đã thống nhất thỏa thuận xong. Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà trả đất bà không đồng ý vì đất bà đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng từ rất lâu hơn nữa bà và ông H cũng đã thống nhất thỏa thuận cặm ranh đất với nhau xong rồi.

Phần đất giữa hai bên là mỗi người nửa mương, ông H cũng cặm ranh giữa mương. Bà thống nhất theo vị trí đó, không có yêu cầu thêm gì hết.

Bằng khoán đất của bà cấp năm 1994 đến nay không có đổi lại bà cũng thống nhất với việc nhà nước cấp bằng khoán không có khiếu nại gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Công N trình bày:*

Ông H khởi kiện cho rằng gia đình ông lấn đất của ông H và yêu cầu trả là không đúng vì trước đây đôi bên đã thỏa thuận cặm ranh xong nên ông H đã rút đơn khởi kiện, việc thỏa thuận có lập biên bản có các bên ký tên và có nhiều người chứng kiến cụ thể có ông Tạ Thanh T, Lý H biết việc thỏa thuận cặm ranh, ông cũng đã có yêu cầu Tòa án xác minh đối với 02 người này. Ông H cho rằng lấn đất nhưng đất ông H sử dụng thực tế so với bằng khoán là dư, bên gia đình ông là thiếu đất so với bằng khoán được cấp nên việc ông H yêu cầu gia đình ông trả đất ông không đồng ý.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35; Điều 91, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 166, 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt H về việc yêu cầu bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T trả lại diện tích đất 17,75m^2 thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Buộc bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T trả cho ông Nguyễn Việt H số tiền 14.282.000 đồng (giá trị diện tích đất giao trả cho ông H). Giao cho bà Từ Kim N và ông Nguyễn Tấn T được sử dụng phần đất diện tích đất 35,5m^2, thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp lộ đal có số đo là 00m.

- Hướng tây giáp rạch ông Bổn có số đo là 00m.

- Hướng nam giáp phần đất ông T, bà N đang sử dụng có số đo 48,18m.

- Hướng bắc giáp phần đất ông H đang sử dụng có số đo 48,32m.

(*Kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/11/2022 của Chi nhánh VPĐK đất đai thị xã N*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt H về việc yêu cầu bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T trả lại diện tích đất 17,75m^2 thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí đối với phần không được chấp nhận yêu cầu. Bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tiền án phí của ông Nguyễn Việt H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005243 ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Xem như ông H nộp xong án phí.

4. Chi phí thẩm định, định giá: 19.673.951 đồng (làm tròn số 19.673.900 đồng). Ông Nguyễn Việt H chịu 9.836.950 đồng. Bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T chịu 9.836.950 đồng. Do ông H đã nộp số tiền này nên bà N, ông T có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền 9.836.950 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 16/3/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo không cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng G, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Hoài T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, bà Hồ Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi có chứng thư thẩm định giá, ngày 06/02/2023 Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo kết quả định giá tài sản cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết quả định giá này, do đó Tòa án cấp sơ thẩm dùng sử dụng kết quả định giá ngày 01/02/2023 để giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4]. Đối với phần đất đang tranh chấp, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng có nguồn gốc là do ông H nhận chuyển nhượng của ông Dương Kim L, theo biên bản xác minh ngày 12/9/2022 ông L xác định phần đất đang tranh chấp trước đây là do ông đào con mương trên đất ông để làm ranh thẳng chứ không có cong, khi đó vợ chồng bà N chưa về ở, sau đó ông chuyển nhượng lại cho ông H, khi ông chuyển nhượng lại cho ông H thì con mương này vẫn còn. Theo tờ giấy sang đất giữa ông H và ông L, do ông H cung cấp có nội dung đất có con mương ranh, giấy

tay này có ông Nguyễn Tấn T ký tứ cận. Mặt khác so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn thì ranh hai bên là một đường thẳng, sự việc này là phù hợp với lời trình bày của ông Dương Kim L. Ngoài ra theo hiện trạng sử dụng đất thực tế bà N chỉ ranh thì ranh đất giữa bà N, ông T và Hùng là cong. Như vậy, việc ông H cho rằng bà N lấn đất và yêu cầu trả là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Theo biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đối với ông Tạ Thanh T, ông Lý H là có việc thỏa thuận cặm ranh giữa hai bên nên hiện nay bà N cặm trụ đá và xây dựng gần ½ diện tích đất tranh chấp, vì vậy việc ông H cho rằng không có thỏa thuận cặm ranh là chưa phù hợp. Ngoài ra bà N cho rằng phần ranh đã thỏa thuận với ông H là đoạn cong, nhưng bà N, ông T không có căn cứ gì chứng minh việc ông H thống nhất phần đất này ông H đồng ý cho bà N sử dụng, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N, ông T giao trả ½ diện tích đất tranh chấp lại cho ông H là có cơ sở theo quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự. Cụ thể 35.5m^2 : 2 = 17.75m^2 tương ứng với số tiền là 14.282.000 đồng (17,75m^2 x 804.628 đồng).

[6]. Từ những phân tích nêu trên cho thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[7]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin miễn án phí do các bị đơn là người cao tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy các bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy các bị đơn được miễn án phí theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm và việc sửa án này không phải do lỗi của cấp sơ thẩm.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn T và bà Từ Kim N.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng về án phí dân sự sơ thẩm và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35; Điều 91, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 166, 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt H về việc yêu cầu bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T trả lại diện tích đất 17,75m^2 thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Buộc bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T trả cho ông Nguyễn Việt H số tiền 14.282.000 đồng (giá trị diện tích đất giao trả cho ông H). Giao cho bà Từ Kim N và ông Nguyễn Tấn T được sử dụng phần đất diện tích đất 35,5m^2, thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp lộ đal có số đo là 00m.

- Hướng tây giáp rạch ông Bổn có số đo là 00m.

- Hướng nam giáp phần đất ông T, bà N đang sử dụng có số đo 48,18m.

- Hướng bắc giáp phần đất ông H đang sử dụng có số đo 48,32m.

(*Kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/11/2022 của Chi nhánh VPĐK đất đai thị xã N*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt H về việc yêu cầu bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T trả lại diện tích đất 17,75m^2 thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Phần tiền này ông Nguyễn Việt H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005243 ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Xem như ông H nộp xong án phí.

3.2. Bị đơn bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T được miễn án phí theo quy định pháp luật.

4. Chi phí thẩm định, định giá: 19.673.951 đồng (làm tròn số 19.673.900 đồng). Ông Nguyễn Việt H chịu 9.836.950 đồng. Bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T chịu 9.836.950 đồng. Do ông H đã nộp số tiền này nên bà N, ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông H số tiền 9.836.950 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Từ Kim N, ông Nguyễn Tấn T được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Tăng Thị Thúy Nga	**Nguyễn Văn Dũ**	**Nguyễn Quốc Định**